

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2020; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2020; danh mục dự án, công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

I. KẾT QUẢ THU HỒI ĐẤT, GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG

1. Kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019:

Ngày 4/12/2018, HĐND Thành phố có Nghị quyết số 11/NQ-HĐND thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; danh mục, công trình dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Ngày 8/7/2019, HĐND Thành phố có Nghị quyết số 10/NQ-HĐND Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2019; Danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019 thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội, trong đó:

- Danh mục 2.294 công trình, dự án thu hồi đất, với diện tích là: 7.495,22 ha.

- Danh mục 594 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, với diện tích là 993,68 ha.

Kết quả thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

- Số dự án thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đến ngày 30/9/2019 là: 608 dự án với diện tích 1.983,2 ha (ước đến ngày 31/12/2019 là 673 dự án; diện tích là 2.172,15 ha);

- Số dự án Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các thủ tục cấm mốc giới phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến ngày 30/9/2019 là: 686 dự án với diện tích 2.214,31 ha (ước đến ngày 31/12/2019 là 862 dự án, diện tích 2.867,22 ha).

Như vậy kết quả thu hồi đất trên địa bàn Thành phố đến ngày 30/9/2019 là 1.294 dự án với diện tích 4.197,51 ha đạt 56% (ước đến ngày 31/12/2019: 1.535 dự án với diện tích 5.039,27 ha đạt 67,23%) kế hoạch thu hồi đất năm 2019 theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố.

2. Về kết quả thực hiện từ tháng 12/2015 đến nay và so sánh kết quả thực hiện với giai đoạn 2011-2015:

- Tổng số dự án thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trong giai đoạn 2011-2015 là 1.364 dự án với diện tích 3.936,6 ha;

- Tổng số dự án thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trong giai đoạn từ tháng 12/2015 ước đến hết ngày 31/12/2019 là: 2.857 dự án với diện tích 7.082,38 ha (tăng khoảng 2,1 lần so với giai đoạn 2011-2015).

3. Đánh giá kết quả thực hiện:

Ngay từ đầu năm, các sở ngành Thành phố đã chủ động phối hợp, tập trung hướng dẫn tháo gỡ cho các chủ đầu tư và UBND các quận, huyện thị xã để triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng để thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố. Nhìn chung các Dự án đủ hồ sơ pháp lý đã được thẩm định đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đúng thời gian quy định; kết quả thu hồi đất, giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, để tạo nguồn thu lớn cho ngân sách, góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của quốc gia và của địa phương. Kết quả thực hiện chưa hoàn thành theo danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 đã được HĐND Thành phố thông qua do một số nguyên nhân sau:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Do một số quy định về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường còn có sự chồng chéo, chuyển tiếp qua nhiều luật, nghị định, nên công tác chuẩn bị đầu tư thường kéo dài hơn dự kiến, dẫn đến một số dự án chậm hoàn thiện được các thủ tục để được thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn do một số hộ dân trông chờ vào việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 nên không hợp tác trong công tác điều tra, khảo sát, kiểm đếm lập phương án giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác đăng ký một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của các Chủ đầu tư, UBND quận, huyện, thị xã vẫn còn chưa sát với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng thực hiện; Cụ thể là việc đăng ký thực hiện dự án sử dụng vốn ngân sách dân sinh bức xúc (số dự án được HĐND Thành phố thông qua tại Biểu 1B Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Biểu 2B Nghị quyết

số 10/NQĐ-HĐND ngày 8/7/2019 là: 700 dự án với diện tích 2.060 ha) tuy nhiên kết quả thực hiện (cấm mốc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất) ước đến ngày 31/12/2019 là: 240 dự án với diện tích 722,3 ha (đạt 35%).

- Nhiều chủ đầu tư triển khai còn cầm chừng, cân đối nguồn lực và nghe ngóng thị trường, vì vậy chưa quyết liệt thực hiện trong công tác giải phóng mặt bằng, dẫn đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư còn chậm làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất.

- Một số địa phương, đơn vị triển khai lập và thực hiện dự án còn chậm, công tác chuẩn bị đầu tư như lập và trình phê duyệt quy hoạch khu đất đấu giá còn chưa đảm bảo việc khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật;

- Việc chuẩn bị quỹ đất sạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ đấu giá còn do nhiều bất cập nguyên nhân chủ yếu là công tác giải phóng mặt bằng;

- Một số khu đất đấu giá tại khu vực xa đô thị đã thực hiện đấu giá nhưng không có người tham gia do thị trường bất động sản năm 2019 có dấu hiệu chững lại dẫn đến một số đơn vị chưa tiếp tục triển khai các dự án tiếp theo.

- Một số địa phương dự kiến một số dự án triển khai, hướng nguồn thu từ đấu giá đất, do công tác đấu giá triển khai không đạt yêu cầu nên đã phải chuyển sang năm tiếp theo.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TIÊU CHÍ LẬP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2020; DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2020:

1. Căn cứ pháp lý:

- Điều 62 Luật Đất đai 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, trong đó các trường hợp quy định tại Khoản 3 thuộc thẩm quyền do HĐND cấp tỉnh chấp thuận.

Điểm đ, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *"Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh"*

- Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 quy định về điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có: *"Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng."*

2. Tiêu chí lập danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2019; danh mục công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019:

a) Dự án phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất hoặc nằm trong Danh mục các công trình, dự án tại Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND

ngày 02/12/2015, Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch các huyện được UBND Thành phố phê duyệt.

b) Dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trước đây đã được Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thủ tục cắm mốc giới phục vụ công tác điều tra, kiểm đếm để lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đến nay chưa có quyết định thu hồi đất hoặc giao đất để thực hiện dự án đầu tư.

c) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố (hoặc ngân sách cấp huyện):

- + Nằm trong dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2020;
- + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- + Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Đảm bảo khả năng thực hiện trong năm 2020.

Các dự án dân sinh bức xúc tại địa phương và của Thành phố:

- + Có thông báo hoặc kết luận của cấp có thẩm quyền;

- + Có Bản vẽ ranh giới khu đất quy hoạch.

d) Đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách:

- Trường hợp các dự án thuộc đối tượng Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án:

- + Đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư (theo Luật Đầu tư năm 2014);

- + Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng khu đất tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Đảm bảo khả năng thực hiện trong năm 2020.

- Trường hợp nhận chuyển nhượng, góp vốn quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án đầu tư căn cứ để cập nhật: Văn bản của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư hoặc cho phép mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; Bản vẽ đề xuất ranh giới dự án tỷ lệ 1/500 theo quy định;

đ) Đối với các trường hợp sử dụng đất vào mục đích an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 61 Luật Đất đai 2013:

- Quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc Quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Bản vẽ chi giới đường đỏ và Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Bản vẽ ranh giới quy hoạch tỷ lệ 1/500;

3. Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2020; các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020:

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất, tính pháp lý của hồ sơ dự án đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp cùng UBND các quận, huyện, thị xã, các sở, ngành tổng hợp Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2020; Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020, Tập thể UBND Thành phố đã họp thông qua về nguyên tắc tiêu chí, danh mục các công trình, dự án; giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát hoàn thiện danh mục các công trình, dự án, đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai 2013 (Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chính xác đối với các danh mục công trình, dự án tại Tờ trình);

Từ thực tế trên, căn cứ Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố, đề xuất, báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9660/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Tờ trình số 10446/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chính xác đối với các danh mục công trình, dự án tại Tờ trình), UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết nghị:

1. Thông qua danh mục 2.142 dự án thu hồi đất năm 2020 với diện tích là 8.051,01 ha (trong đó số dự án thu hồi đất năm 2019 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 8/7/2019 chuyển tiếp sang Danh mục thu hồi đất năm 2020 là 1.577 dự án, với diện tích là 5.355,22 ha gồm: 1.360 dự án vốn ngân sách với diện tích 3.542,25 ha và 211 dự án vốn ngoài ngân sách với diện tích 1.808,85 ha).

Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án được HĐND Thành phố thông qua, đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố đã có trong kế hoạch đầu tư công của Thành phố được cân đối trong Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố năm 2020 của HĐND Thành phố. Các dự án thuộc ngân sách cấp quận, huyện để các quận, huyện bố trí. Các dự án ngoài ngân sách do chủ đầu tư bố trí theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí phân giải phóng mặt bằng trong năm 2020.

2. Thông qua danh mục 209 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020, với diện tích là 358,84 ha.

(Danh mục tại Biểu 1A, 1B và 2 tổng hợp kèm theo)

3. Trong năm thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát, đánh giá tiến độ triển khai và sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng

hợp báo cáo UBND Thành phố, trình HĐND Thành phố xem xét vào kỳ họp trong năm.

Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng, cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mà chưa có trong danh mục được HĐND Thành phố thông qua thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố, trình Thường trực HĐND Thành phố thống nhất trước khi quyết định thu hồi đất và báo cáo tại kỳ họp gần nhất.

Kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua./.

(Xin được gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Nơi nhận: ✓

- Như trên; ✓
- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP;
- P.ĐT, TKBT, KT; 12
- Lưu VT. (100)



Nguyễn Đức Chung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2020; Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2020 thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 11

(Từ ngày / /2019 đến ngày / /2019)

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND Thành phố về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2020; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Kinh tế Ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; Danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2020 như sau:

1. Thông qua danh mục 2.142 dự án thu hồi đất năm 2020 với diện tích là 8.051,01 ha (trong đó số dự án thu hồi đất năm 2019 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 8/7/2019 chuyển tiếp sang Danh mục thu hồi đất năm 2020 là 1.577 dự án, với diện tích là 5.355,22 ha gồm: 1.360 dự án vốn ngân sách với diện tích 3.542,25 ha và 211 dự án vốn ngoài ngân sách với diện tích 1.808,85 ha).

Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án được HĐND Thành phố thông qua, đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố đã có trong kế hoạch đầu tư công của Thành phố được cân đối trong Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố năm 2020 của HĐND Thành phố. Các dự án thuộc ngân sách cấp quận, huyện để các quận, huyện bố trí. Các dự án ngoài ngân sách do chủ đầu tư bố trí theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí phần giải phóng mặt bằng trong năm 2020.

2. Thông qua danh mục 209 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020, với diện tích là 358,84 ha.

(Danh mục tại Biểu 1A, 1B và 2 tổng hợp kèm theo)

Điều 2.

1. Giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giai pháp HĐND Thành phố giao tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Thành phố tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày / /2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày ký đến ngày 31/12/2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các ban Đảng TU; VPTU, VP Đoàn ĐBQH& HĐND, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP Hà Nội;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

**• TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG NĂM 2020**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND Thành phố)

STT	Quận, huyện	Số dự án	Diện tích (ha)	Chuyển mục đích đất lúa		Thu hồi đất	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Ba Đình	33	17.26	0		33	16.59
2	Ba Vì	40	566.52	0	0.00	40	355.58
3	Bắc Từ Liêm	87	541.34	0	0	87	225.51
4	Cầu Giấy	38	64.52	0	0	38	32.64
5	Chương Mỹ	60	184.60	7	10.64	58	178.72
6	Đan Phượng	70	312.80	9	25.03	70	191.62
7	Đông Anh	157	1722.36	23	36.84	151	1288.51
8	Đống Đa	25	42.62	0	0	25	38.77
9	Gia Lâm	127	588.90	30	47.47	127	587.44
10	Hà Đông	40	110.25	2	0.39	40	46.11
11	Hai Bà Trưng	43	32.78	0	0	43	32.66
12	Hoài Đức	120	464.86	30	36.94	117	421.93
13	Hoàn Kiếm	21	2.80	0	0	21	2.80
14	Hoàng Mai	103	275.08	0	0	103	260.21
15	Long Biên	120	393.33	0	0	120	239.28
16	Mê Linh	77	555.46	4	7.24	77	458.41
17	Mỹ Đức	59	76.37	6	5.49	58	65.92
18	Nam Từ Liêm	85	535.45	0	0.00	85	461.83
19	Phủ Xuyên	89	209.94	6	9.90	88	191.67
20	Phúc Thọ	69	89.84	13	7.67	68	66.01
21	Quốc Oai	88	472.05	23	62.24	88	276.07
22	Sóc Sơn	71	1119.75	7	10.4	71	1054.78
23	Sơn Tây	39	160.41	1	1	39	61.08
24	Tây Hồ	48	383.12	0	0	48	171.81
25	Thạch Thất	81	235.88	9	19.03	81	180.92
26	Thanh Oai	70	160.66	8	5.07	70	137.29
27	Thanh Trì	71	439.08	9	14.66	71	435.93
28	Thanh Xuân	19	37.70	0	0	19	35.29
29	Thường Tín	102	438.62	13	47.23	101	332.96
30	Ứng Hòa	105	202.67	9	11.6002	105	202.67
Tổng		2157	10437.03	209	358.84	2142	8051.01

**TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG NĂM 2020**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND Thành phố)

STT	Quận, huyện	Số dự án	Diện tích (ha)	Chuyển mục đích đất lúa		Thu hồi đất	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Ba Đình	33	17.26	0		33	16.59
2	Ba Vì	40	566.52	0	0.00	40	355.58
3	Bắc Từ Liêm	87	541.34	0	0	87	225.51
4	Cầu Giấy	38	64.52	0	0	38	32.64
5	Chương Mỹ	60	184.60	7	10.64	58	178.72
6	Đan Phượng	70	312.80	9	25.03	70	191.62
7	Đông Anh	157	1722.36	23	36.84	151	1288.51
8	Đống Đa	25	42.62	0	0	25	38.77
9	Gia Lâm	127	588.90	30	47.47	127	587.44
10	Hà Đông	40	110.25	2	0.39	40	46.11
11	Hai Bà Trưng	43	32.78	0	0	43	32.66
12	Hoài Đức	120	464.86	30	36.94	117	421.93
13	Hoàn Kiếm	21	2.80	0	0	21	2.80
14	Hoàng Mai	103	275.08	0	0	103	260.21
15	Long Biên	120	393.33	0	0	120	239.28
16	Mê Linh	77	555.46	4	7.24	77	458.41
17	Mỹ Đức	59	76.37	6	5.49	58	65.92
18	Nam Từ Liêm	85	535.45	0	0.00	85	461.83
19	Phú Xuyên	89	209.94	6	9.90	88	191.67
20	Phúc Thọ	69	89.84	13	7.67	68	66.01
21	Quốc Oai	88	472.05	23	62.24	88	276.07
22	Sóc Sơn	71	1119.75	7	10.4	71	1054.78
23	Sơn Tây	39	160.41	1	1	39	61.08
24	Tây Hồ	48	383.12	0	0	48	171.81
25	Thạch Thất	81	235.88	9	19.03	81	180.92
26	Thanh Oai	70	160.66	8	5.07	70	137.29
27	Thanh Trì	71	439.08	9	14.66	71	435.93
28	Thanh Xuân	19	37.70	0	0	19	35.29
29	Thường Tín	102	438.62	13	47.23	101	332.96
30	Ứng Hòa	105	202.67	9	11.6002	105	202.67
Tổng		2157	10437.03	209	358.84	2142	8051.01